

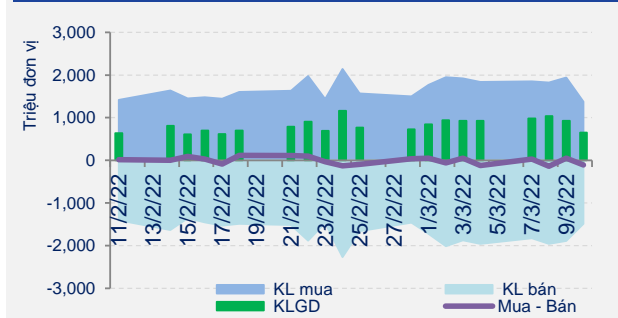
# MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 10/3/2022

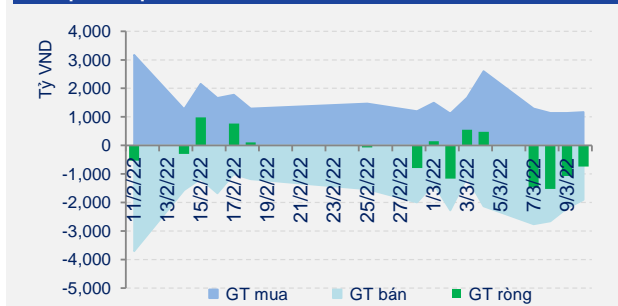
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,479.08	447.64
% Thay đổi	↑ 0.36%	↑ 0.68%
KLGD (CP)	649,939,597	124,078,522
GTGD (tỷ đồng)	21,175.41	3,463.71
Tổng cung (CP)	1,484,780,500	183,291,100
Tổng cầu (CP)	1,376,472,500	166,688,300

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	40,461,500	1,290,865
KL mua (CP)	24,360,200	364,200
GT mua (tỷ đồng)	1,163.69	9.45
GT bán (tỷ đồng)	1,907.89	49.59
GT ròng (tỷ đồng)	(744.20)	(40.14)

## Tương quan cung cầu HOSE



## Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↓ -0.40%	21.3	3.6	1.2%
Công nghiệp	↑ 0.40%	23.1	3.2	15.4%
Dầu khí	↓ -2.81%	21.3	2.3	6.5%
Dịch vụ Tiêu dùng	↑ 0.98%	-	10.7	3.8%
Dược phẩm và Y tế	↑ 0.08%	16.8	2.6	0.5%
Hàng Tiêu dùng	↑ 0.25%	18.9	3.6	11.3%
Ngân hàng	↑ 0.48%	12.0	2.3	9.2%
Nguyên vật liệu	↓ -0.96%	10.9	2.6	21.7%
Tài chính	↑ 1.39%	20.2	3.2	27.9%
Tiền ịch Cộng đồng	↓ -1.76%	19.1	3.0	2.5%
VN - Index	↑ 0.36%	17.0	3.1	
HNX - Index	↑ 0.68%	21.5	3.7	

## ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Căng thẳng giữa Nga và Ukraine có dấu hiệu hạ nhiệt sau khi Nga tuyên bố không tìm cách lật đổ chính phủ Ukraine, và Ukraine cũng tuyên bố không còn "hứng thú" với việc gia nhập NATO. Tuyên bố này từ hai bên đã khiến cho giá dầu và giá vàng giảm mạnh trong phiên đêm qua và thị trường chứng khoán Mỹ có sự hồi phục khá tốt. Thị trường Việt Nam cũng tiếp đà hồi phục trong phiên hôm nay nhưng với mức tăng khá nhẹ. Cụ thể, kết thúc phiên giao dịch, chỉ số VN-Index tăng 5,34 điểm (+0,36%) lên 1.479,08 điểm. Độ rộng thị trường là tích cực với 209 mã tăng (25 mã tăng trần), 43 mã tham chiếu, 164 mã giảm (1 mã giảm sàn). Giá dầu thế giới giảm trong phiên đêm qua đã khiến cho nhóm cổ phiếu dầu khí chịu áp lực chốt lời và đồng loạt kết phiên trong sắc đỏ với PVS (-3%), PVD (-2,9%), BSR (-1,7%), PLX (-2,7%), PVC (-4,7%), OIL (-3,2%), PVB (-1,8%)... Cổ phiếu hóa chất cũng quay đầu điều chỉnh với DPM (-2,1%), DGC (-1,1%), DDV (-0,9%), CSV (-1,5%), LAS (-4%)... Nhóm cổ phiếu thép cũng đảo chiều trong phiên hôm nay như HPG (-1,4%), HSG (-1,2%), TLH (-1,2%)... Thị trường được nâng đỡ nhờ sự hồi phục của các cổ phiếu ngân hàng như STB (+1,4%), MBB (+1%), TCB (+0,3%), SHB (+0,2%), CTG (+0,3%), LPB (+1,1%), VCB (+0,6%), TPB (+0,5%)... và các cổ phiếu lớn như VNM (+2,7%), BVH (+1,8%), VHM (+1,6%), VIC (+1,4%), SAB (+1,3%), VRE (+1,3%)... Các cổ phiếu chứng khoán cũng giao dịch tương đối tích cực với sắc xanh chiếm đa số SHS (+0,7%), HCM (+0,5%), VIX (+0,2%), APS (+1,5%)..., thậm chí VND (+6,7%) tăng trần trong cả phiên giao dịch.

## NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Bước đầu đã xuất hiện những tín hiệu tích cực về căng thẳng giữa Nga và Ukraine. Diễn biến này hỗ trợ về mặt tâm lý khá tốt cho các thị trường chứng khoán trên thế giới. Ở chiều ngược lại, giá vàng và giá dầu có sự điều chỉnh tương đối trong phiên đêm qua. Tại thị trường Việt Nam, tâm lý nhà đầu tư tuy có sự cải thiện trong phiên hôm nay nhưng vẫn có sự thận trọng và dè dặt nhất định thể hiện qua áp lực bán gia tăng trong phiên chiều và thanh khoản sụt giảm dưới mức trung bình. Chúng tôi cho rằng, nếu tình hình tiếp tục được cải thiện trong đêm nay thì VN-Index có thể tiếp nối đà hồi phục trong phiên giao dịch cuối tuần 11/3. Kháng cự gần nhất của thị trường trong khoảng 1.490-1.495 điểm (MA20-50) và ngưỡng hỗ trợ gần nhất quanh 1.470 điểm. Các nhà đầu tư có thể tiếp tục nắm giữ danh mục đã mua vào trước đó và có thể cân nhắc giải ngân thêm nếu thị trường có sụt mạnh về vùng hỗ trợ trong khoảng 1.425-1.450 điểm (đáy tháng 1/2022).

# MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 10/3/2022

## DIỄN BIẾN GIAO DỊCH

### VN-Index:

VN-Index giao dịch sắc xanh trong toàn bộ thời gian phiên hôm nay nhờ lực cầu xuất hiện từ đầu phiên, với mức cao nhất trong phiên tại 1.488,59 điểm. Nhưng càng về cuối phiên, áp lực bán gia tăng đã khiến mức tăng bị thu hẹp lại. Kết phiên, VN-Index tăng 5,34 điểm (+0,36%) lên 1.479,08 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến VN-Index trong phiên hôm nay: VHM tăng 1.200 đồng, VIC tăng 1.100 đồng, VNM tăng 2.000 đồng. Ở chiều ngược lại, GAS giảm 3.700 đồng.

### HNX-Index:

HNX-Index giảm nhẹ vào đầu phiên giao dịch, với mức thấp nhất trong phiên tại 442,88 điểm. Nhưng ngay sau đó, lực cầu gia tăng giúp chỉ số lấy lại sắc xanh, với mức cao nhất trong phiên tại 449,87 điểm. Kết phiên, HNX-Index tăng 3,04 điểm (+0,68%) lên 447,64 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến HNX-Index trong phiên hôm nay: CEO tăng 1.500 đồng, NVB tăng 400 đồng, THD tăng 600 đồng. Ở chiều ngược lại, PVS giảm 1.200 đồng.

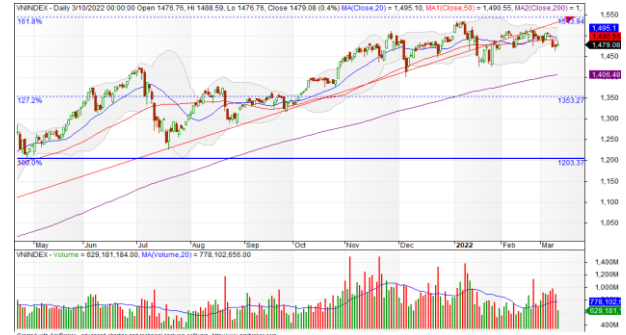
## GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

**Trên HOSE**, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 744,2 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 16,1 triệu cổ phiếu. HPG là mã chứng khoán bị bán ròng nhiều nhất với 210,1 tỷ đồng tương ứng với 4,2 triệu cổ phiếu, tiếp theo là MSN với 119,9 tỷ đồng tương ứng với 787 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, VCB là mã được mua ròng nhiều nhất với 44 tỷ đồng tương ứng với 529 nghìn cổ phiếu.

**Trên HNX**, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 40,19 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 926,7 nghìn cổ phiếu. PVS là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 23 tỷ đồng tương ứng với 607,2 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là VCS với 6,2 tỷ đồng tương ứng với 59,5 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, PVI là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 989 triệu đồng tương ứng với 19,6 nghìn cổ phiếu.

## PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

### VN-Index:



VN-Index hồi phục nhẹ trong phiên hôm nay với thanh khoản khớp lệnh suy giảm so với phiên trước đó và thấp hơn mức trung bình 20 phiên gần đây. Điều này cho thấy là lực cầu mua lên vẫn chưa thực sự mạnh và nhà đầu tư đang có sự thận trọng nhất định.

Áp dụng lý thuyết sóng Elliott trên biểu đồ thì có thể thấy là VN-Index vẫn đang nằm trong sóng tăng 5 với target theo lý thuyết trong khoảng 1.530-1.550 điểm (fibonacci retracement 161,8% sóng điều chỉnh 4). Và một khi vẫn được duy trì trên ngưỡng 1.350 điểm (fibonacci retracement 127,2% fibonacci retracement sóng điều chỉnh 4) thì nhận định trên không có gì thay đổi.

Với phiên tăng nhẹ này thì tín hiệu kỹ thuật của chỉ số VN-Index vẫn chưa có gì thay đổi khi mà chỉ số này vẫn kết phiên dưới vùng kháng cự trong khoảng 1.490-1.495 điểm (MA20-50). Và ngưỡng hỗ trợ quanh 1.470 điểm tương ứng với vùng đáy của thị trường từ sau Tết đến nay vẫn giữ được nên khả năng để hồi phục là vẫn có thể xảy ra.

Dự báo, trong phiên giao dịch cuối tuần 11/3, VN-Index có thể sẽ tiếp tục hồi phục với vùng kháng cự gần nhất trong khoảng 1.490-1.495 điểm (MA20-50).

Tuy nhiên, nếu có những thông tin tiêu cực diễn ra trong tối và đêm nay khiến áp lực bán gia tăng thì VN-Index có thể sẽ cần test lại vùng hỗ trợ trong khoảng 1.425-1.450 điểm (đáy tháng 1/2022).

## TIN KINH TẾ VĨ MÔ

### HSBC: Cần lưu tâm đến rủi ro lạm phát

HSBC cho rằng Việt Nam cần đặc biệt lưu tâm đến những rủi ro về lạm phát, vì giá hàng hóa tăng là vấn đề xảy ra trên diện rộng chứ không chỉ xoay quanh nhiên liệu. Việt Nam sẽ tiếp tục nhập khẩu mạnh xăng dầu khi Bộ Công Thương quyết định giao nhập khẩu 2,4 triệu m3 xăng, dầu vào quý II tới.



## TIN TRONG NƯỚC

**Giá vàng trong nước giảm** Tại thời điểm 16h, giá vàng SJC được Tập đoàn Vàng bạc đá quý Doji niêm yết ở mức giá: 67 - 69,3 triệu đồng/lượng, không đổi ở chiều mua vào và giảm 300.000 đồng/lượng ở chiều bán ra so với sáng nay.

**Tỷ giá trung tâm giảm** Tỷ giá trung tâm giữa đồng Việt Nam (VND) và đô la Mỹ (USD) sáng 9/3 được Ngân hàng Nhà nước công bố ở mức 23.162 VND/USD, giảm 10 đồng so với hôm qua.

## TIN QUỐC TẾ

**Giá vàng thế giới giảm** Tại thời điểm 16 giờ, giá vàng thế giới giảm 0,95 USD/ounce tương ứng với 0,05% xuống 1.987,5 USD/ounce.

**Tỷ giá ngoại tệ: USD tăng** Tính tới 16 giờ, chỉ số USD Index (DXY) tăng 0,162 điểm tương ứng 0,17% lên 98,125 điểm. USD tăng so với EUR lên: 1 EUR đổi 1,1052 USD. USD tăng so với GBP lên: 1 GBP đổi 1,3169 USD. USD tăng so với JPY lên: 1 USD đổi 115,95 JPY.

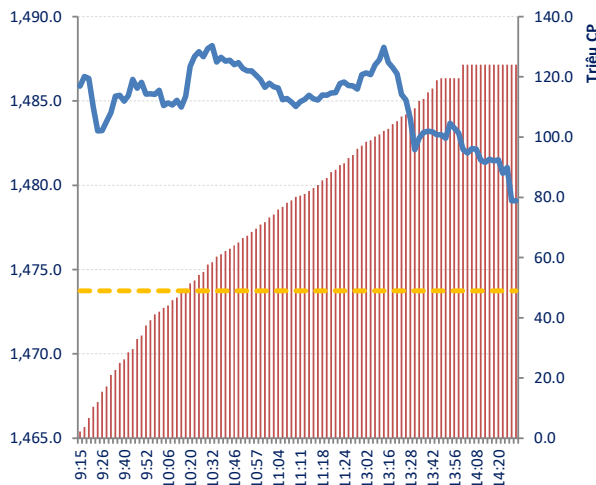
**Giá dầu thế giới tăng** Tại thời điểm 16 giờ, giá dầu thô ngọt nhẹ WTI tăng 3,25 USD/thùng tương ứng với 2,96% lên 111,96 USD/thùng.

**Chứng khoán Mỹ hồi phục** Kết thúc phiên giao dịch ngày 9/3, Dow Jones tăng 653,61 điểm tương đương 2% lên 33.286,25 điểm. Nasdaq tăng 460 điểm tương đương 3,59% lên 13.255,55 điểm. Nasdaq Composite tăng 107,18 điểm tương đương 2,57% lên 4.277,88 điểm.

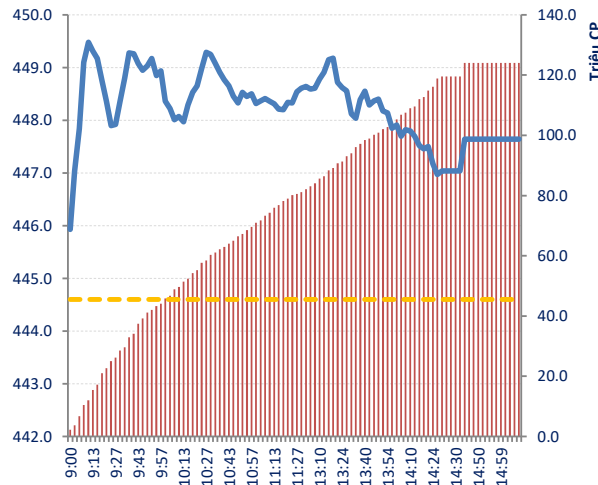


### THÔNG KÊ GIAO DỊCH

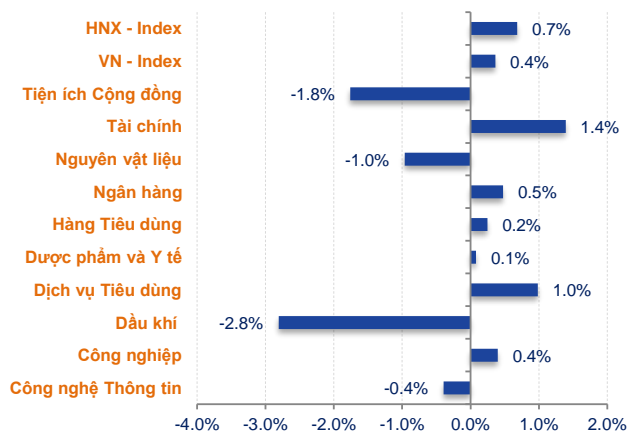
#### KLGD và VN-Index trong phiên



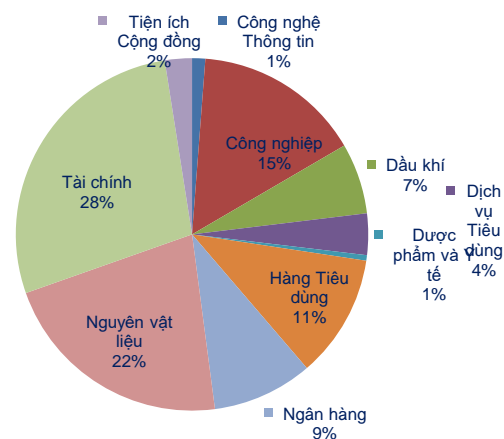
#### KLGD và HNX-Index trong phiên



#### Biến động giá phân theo nhóm Ngành



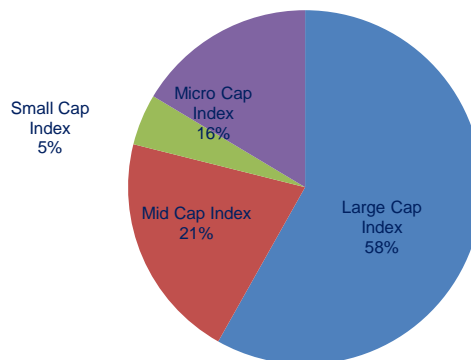
#### Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



#### Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



#### Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



#### Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ      Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ  
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ      Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



## HOSE

## HNX

## Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	STB	1,057,700	HPG	4,245,100
2	NLG	704,300	HDB	2,235,100
3	DCM	674,200	VPB	1,850,000
4	VCB	529,000	GMD	1,777,400
5	DPM	275,300	DXG	1,250,700

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	PPS	39,000	PVS	607,205
2	ART	20,900	PVG	86,700
3	TVD	20,500	SCI	86,400
4	PVI	19,600	DTD	68,700
5	ONE	18,700	BVS	64,480

## Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
HPG	49.85	49.15	↓ -1.40%	27,750,600
BCG	24.85	26.55	↑ 6.84%	19,083,400
HAG	11.95	12.15	↑ 1.67%	18,378,100
FLC	12.75	12.95	↑ 1.57%	16,539,600
VRE	31.60	32.00	↑ 1.27%	14,045,300

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
PVS	39.40	38.20	↓ -3.05%	14,175,832
TVC	22.50	23.90	↑ 6.22%	9,955,651
PVC	34.40	32.80	↓ -4.65%	5,106,638
KLF	6.50	6.50	→ 0.00%	4,274,156
BII	14.20	15.60	↑ 9.86%	3,771,105

## Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VHC	74.40	79.60	5.20	↑ 6.99%
HU3	9.02	9.65	0.63	↑ 6.98%
ANV	38.65	41.35	2.70	↑ 6.99%
TEG	15.05	16.10	1.05	↑ 6.98%
DXV	8.75	9.36	0.61	↑ 6.97%

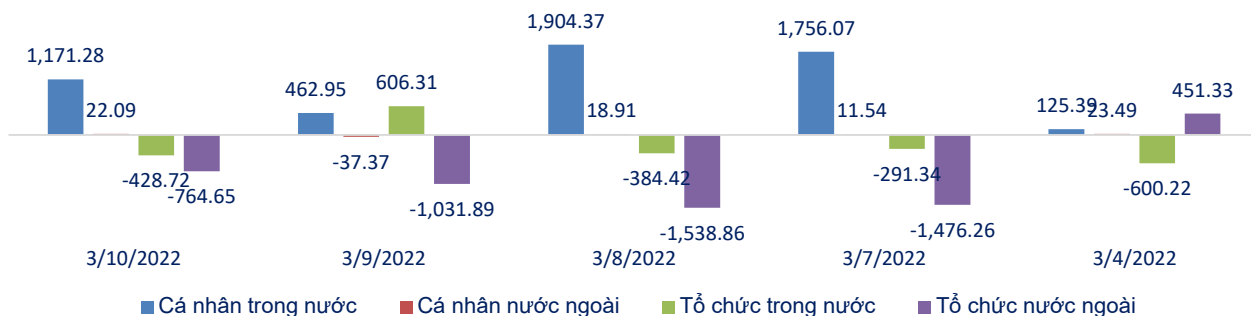
Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
ITQ	10.00	11.00	1.00	↑ 10.00%
CSC	100.50	110.50	10.00	↑ 9.95%
THS	18.10	19.90	1.80	↑ 9.94%
BII	14.20	15.60	1.40	↑ 9.86%
SD9	13.20	14.50	1.30	↑ 9.85%

## Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
LGC	46.50	43.35	-3.15	↓ -6.77%
HU1	17.00	15.85	-1.15	↓ -6.76%
LAF	23.70	22.30	-1.40	↓ -5.91%
ASP	16.90	16.00	-0.90	↓ -5.33%
TAC	71.00	67.70	-3.30	↓ -4.65%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
KHS	33.00	29.70	-3.30	↓ -10.00%
PBP	42.10	37.90	-4.20	↓ -9.98%
PMP	40.70	36.70	-4.00	↓ -9.83%
PMB	25.50	23.00	-2.50	↓ -9.80%
PDC	26.60	24.00	-2.60	↓ -9.77%

(\*) Giá điều chỉnh

**Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)**

**Top Mua ròng Cá nhân trong nước**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	277.67	46.0%	7,708	6.5	2.5
NVL	126.30	8.8%	1,692	45.2	3.6
GMD	119.74	8.9%	2,007	28.0	2.4
MSN	108.87	25.4%	7,269	21.4	4.3
DXG	105.85	10.3%	1,942	20.0	1.7

**Top Bán ròng Cá nhân trong nước**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
STB	-50.54	10.8%	1,855	16.8	1.7
FLC	-32.02	0.7%	119	107.2	0.9
DCM	-29.87	27.5%	3,623	12.3	3.1
NLG	-26.79	10.5%	3,155	17.0	1.5
CTG	-14.58	15.7%	2,932	10.9	1.6

**Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MBB	5.72	22.6%	3,361	9.2	1.9
FPT	5.62	21.7%	4,787	20.0	4.0
HDC	4.56	23.6%	3,665	25.9	5.5
NSC	4.27	17.5%	12,443	7.3	1.3
MSN	2.70	25.4%	7,269	21.4	4.3

**Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
NLG	-2.34	10.5%	3,155	17.0	1.5
STB	-2.20	10.8%	1,855	16.8	1.7
GAS	-1.72	17.1%	4,531	27.0	4.5
SSI	-1.50	22.4%	3,047	15.3	3.4
E1VFN30	-1.45	N/A	N/A	N/A	N/A

**Top Mua ròng Tổ chức trong nước**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FLC	31.60	0.7%	119	107.2	0.9
VPB	25.76	17.0%	2,662	13.8	1.9
CTG	21.26	15.7%	2,932	10.9	1.6
VNM	17.01	30.3%	5,042	14.9	4.4
STB	17.00	10.8%	1,855	16.8	1.7

**Top Bán ròng Tổ chức trong nước**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
NVL	-97.54	8.8%	1,692	45.2	3.6
HPG	-67.80	46.0%	7,708	6.5	2.5
DXG	-55.41	10.3%	1,942	20.0	1.7
MWG	-50.36	27.3%	6,895	19.4	4.7
VCB	-49.88	21.3%	4,629	17.9	3.5

**Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	44.22	21.3%	4,629	17.9	3.5
NLG	40.92	10.5%	3,155	17.0	1.5
STB	35.74	10.8%	1,855	16.8	1.7
DCM	31.01	27.5%	3,623	12.3	3.1
PNJ	25.20	18.3%	4,543	24.3	4.2

**Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	-208.86	46.0%	7,708	6.5	2.5
MSN	-122.62	25.4%	7,269	21.4	4.3
GMD	-99.16	8.9%	2,007	28.0	2.4
VIC	-94.98	-1.9%	(717)	-	1.9
VPB	-68.70	17.0%	2,662	13.8	1.9





## Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	27,750,600	46.0%	7,708	6.5	2.5
BCG	19,083,400	3250.0%	2,213	11.2	1.0
HAG	18,378,100	2.5%	199	60.2	2.4
FLC	16,539,600	0.7%	119	107.2	0.9
VRE	14,045,300	4.4%	578	54.6	2.3

## Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	14,175,832	4.7%	1,260	31.3	1.5
TVC	9,955,651	26.3%	5,456	4.1	1.1
PVC	5,106,638	0.9%	147	234.6	2.1
KLF	4,274,156	0.4%	40	160.9	0.6
BII	3,771,105	5.4%	567	25.0	1.4

## Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
VHC	↑ 7.0%	19.9%	6,052	12.3	2.4
HU3	↑ 7.0%	0.4%	66	136.5	0.6
ANV	↑ 7.0%	5.5%	1,006	38.4	2.0
TEG	↑ 7.0%	8.1%	1,112	13.5	1.1
DXV	↑ 7.0%	0.3%	39	227.3	0.8

## Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
ITQ	↑ 10.0%	4.8%	526	19.0	0.9
CSC	↑ 10.0%	12.2%	2,174	46.2	5.4
THS	↑ 9.9%	9.7%	1,399	12.9	1.5
BII	↑ 9.9%	5.4%	567	25.0	1.4
SD9	↑ 9.8%	1.4%	327	40.3	0.6

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
STB	1,057,700	10.8%	1,855	16.8	1.7
NLG	704,300	10.5%	3,155	17.0	1.5
DCM	674,200	27.5%	3,623	12.3	3.1
VCB	529,000	21.3%	4,629	17.9	3.5
DPM	275,300	32.9%	7,964	8.2	2.4

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
PPS	39,000	8.8%	1,109	12.4	1.1
ART	20,900	3.0%	350	31.5	0.9
TVD	20,500	19.3%	2,300	9.3	1.7
PVI	19,600	11.2%	3,722	13.3	1.6
ONE	18,700	6.2%	776	15.8	1.0

## Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	392,799	21.3%	4,629	17.9	3.5
VHM	322,223	35.3%	9,036	8.2	2.4
VIC	297,487	-1.9%	(717)	-	1.9
GAS	233,885	17.1%	4,531	27.0	4.5
HPG	222,975	46.0%	7,708	6.5	2.5

## Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
THD	60,025	21.8%	2,805	61.1	9.5
KSF	32,040	9.1%	1,387	77.0	5.4
IDC	21,480	9.6%	1,508	47.5	4.6
PVS	18,832	4.7%	1,260	31.3	1.5
NVB	16,983	0.0%	3	9,325.5	2.8

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
DRH	4.85	1.6%	232	102.8	1.7
NHA	4.63	0.8%	80	773.0	6.1
SGR	4.62	4.7%	566	50.3	2.5
NBB	4.54	18.2%	4,126	7.6	1.6
DIG	4.44	15.3%	2,210	39.9	5.7

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
PVL	3.98	7.0%	343	36.8	2.5
CEO	2.78	2.7%	362	179.8	4.7
L14	2.77	39.0%	8,000	46.2	13.2
VC7	2.75	2.6%	354	64.9	2.2
L18	2.73	6.7%	877	67.5	4.2



Website: [www.shs.com.vn](http://www.shs.com.vn)

Chịu trách nhiệm nội dung:

**P.Trường phòng: Ngô Thế Hiện**  
[hien.nth@shs.com.vn](mailto:hien.nth@shs.com.vn)

**Tổ trưởng: Phan Tấn Nhật**  
[nhat.pt@shs.com.vn](mailto:nhat.pt@shs.com.vn)

**Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành**  
[thanh.nk@shs.com.vn](mailto:thanh.nk@shs.com.vn)

**Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng**  
[thang.nd@shs.com.vn](mailto:thang.nd@shs.com.vn)

*Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.*

*Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.*

*SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.*

*Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation*

---

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

### **Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội**

#### **Trụ sở chính tại Hà Nội**

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,  
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,  
Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel: 84.24.38181888  
Fax: 84.24.38181688  
Email: [contact@shs.com.vn](mailto:contact@shs.com.vn)

#### **Chi nhánh Hồ Chí Minh**

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,  
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,  
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM  
Tel: 84.28.39151368  
Fax: 84.28.39151369  
Email: [contact-hcm@shs.com.vn](mailto:contact-hcm@shs.com.vn)

#### **Chi nhánh Đà Nẵng**

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,  
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh  
Trung, Quận Thanh Khê, Thành  
phố Đà Nẵng  
Tel: 84.236.3525777  
Fax: 84.236.3525779  
Email: [contact-dn@shs.com.vn](mailto:contact-dn@shs.com.vn)